

Số: KH1T-31/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(tháng 11/2025)**

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật tháng 10/2025

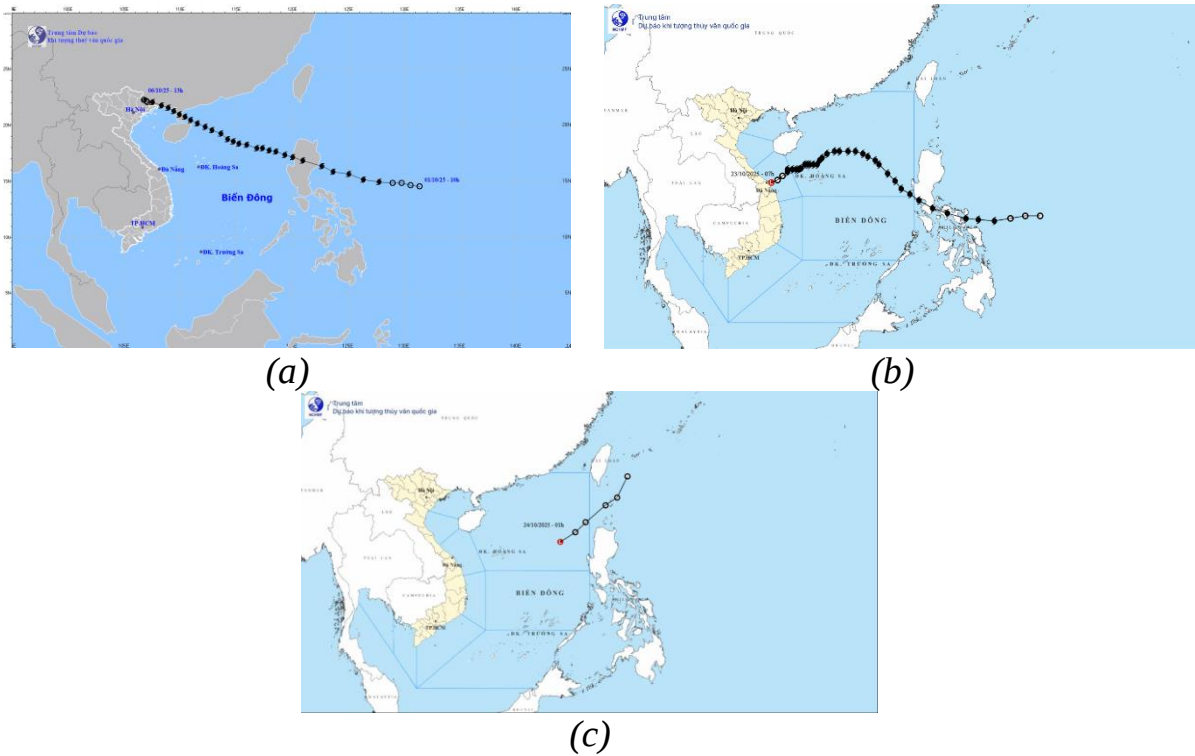
+ **Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Trên Biển Đông đã xuất hiện 02 cơn bão và 01 ATNĐ. Trong đó, cả hai cơn bão: Bão số 11 (MATMO) và bão số 12 (FENGSHEN) đều ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta (Hình 1), diễn biến cụ thể như sau:

- **Bão số 11 (MATMO):** Chiều ngày 03/10, bão MATMO đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 11 trong năm 2025; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 10, giật cấp 13, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc, tốc độ khoảng 25km/h. Sáng sớm ngày 06/10, bão đi vào đất liền khu vực Phòng Thành của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), cường độ giảm xuống cấp 8, giật cấp 10, sau đó bão đi sâu vào đất liền và suy yếu thành ATNĐ, đến trưa cùng ngày suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực biên giới Lạng Sơn (Việt Nam) và Trung Quốc (Hình 1a).

- **Bão số 12 (FENGSHEN):** Chiều ngày 19/10, bão FENGSHEN đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 12 trên Biển Đông trong năm 2025 với cường độ mạnh cấp 9, giật cấp 11, di chuyển theo hướng Tây Bắc. Chiều ngày 20/10, bão mạnh lên cấp 10, giật cấp 12, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc, sau di chuyển theo hướng Tây. Sáng sớm ngày 21/10, bão chuyển hướng di chuyển theo hướng Tây Nam. Từ chiều ngày 22/10, cường độ bão giảm dần, đến tối cùng ngày, sau khi đi vào vùng biển Quảng Trị-Quảng Ngãi, bão suy yếu thành ATNĐ. Sáng sớm ngày 23/10, sau khi đi vào vùng biển ven bờ khu vực Tp. Huế-Đà Nẵng, áp thấp nhiệt đới suy yếu thành một vùng áp thấp (Hình 1b).

- **ATNĐ tháng 10:** Trưa ngày 23/10, ATNĐ đi vào vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp mạnh cấp 6, giật cấp 8. Sau đó, ATNĐ chủ yếu di chuyển theo hướng Tây Nam, đến đêm

cùng ngày ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông. Sức gió mạnh nhất ở trung tâm vùng áp thấp giảm xuống dưới cấp 6 (Hình 1c).



Hình 1: Quỹ đạo của các cơn bão: (a) số 11 (MATMO); (b) số 12 (FENGSHEN); (c) ATNĐ tháng 10

+ **Không khí lạnh (KKL)**: Trong tháng 10/2025, đã xảy ra 03 đợt KKL (vào đêm 19/10, ngày 26/10 và ngày 30/10), cụ thể: Đợt KKL vào đêm 19/10, đã gây gió mạnh cấp 7, giật cấp 9 tại trạm Bạch Long Vĩ, trạm Cồn Cỏ và trạm Lý Sơn có gió mạnh cấp 6, giật cấp 8; khu vực Bắc Bộ nhiệt độ thấp nhất ngày phổ biến từ 18-20⁰C, vùng núi từ 15-17⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 13,0⁰C: Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 8,9⁰C; Tam Đảo (Phú Thọ) 12,1⁰C; Sìn Hồ (Lai Châu) 12,2⁰C; ... Đợt KKL ngày 26/10, khu vực Bắc Bộ nhiệt độ thấp nhất ngày phổ biến từ 19-22⁰C, vùng núi từ 17-19⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 15⁰C như Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 12,7⁰C; Pha Đin (Điện Biên) 12,8⁰C; Đồng Văn (Tuyên Quang) 13,5⁰C; ... Đợt KKL ngày 30/10, ở trạm Bạch Long Vĩ đã có gió Đông Bắc mạnh cấp 5, có lúc cấp 6 (đang tiếp tục theo dõi diễn biến đợt không khí lạnh này).

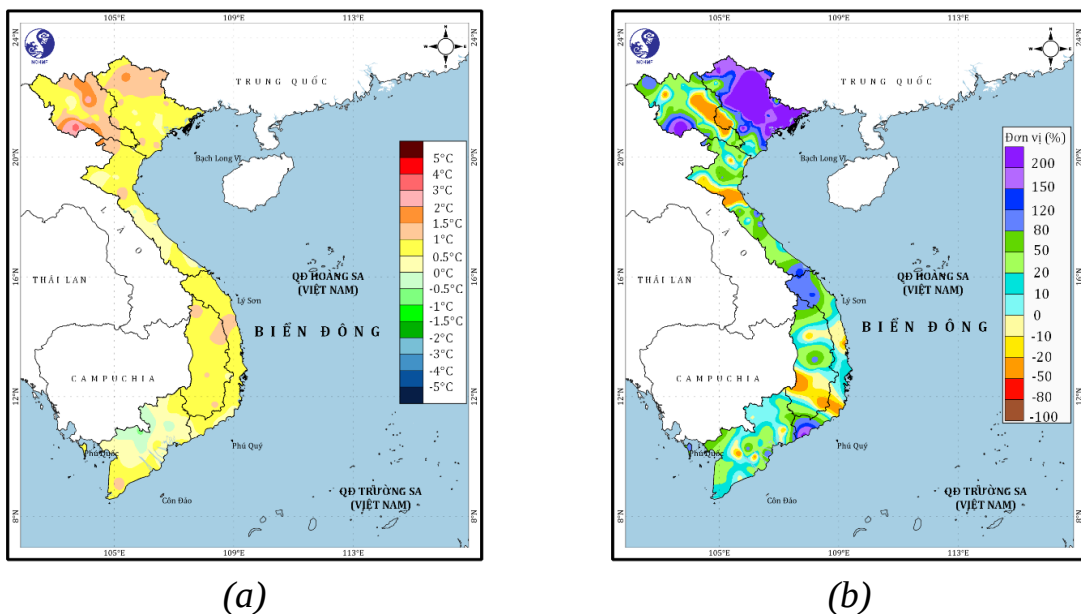
+ **Đông, lốc, sét**: Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận đông, lốc (Bảng 2-Phụ lục).

+ **Mưa diện rộng**: Tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Bắc Nghệ An xuất hiện nhiều ngày có mưa, trong đó xảy ra 02 đợt mưa diện rộng: từ ngày 06-

08/10 và từ ngày 13-16/10, tập trung ở Đông Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Bắc Nghệ An. Đợt mưa từ ngày 06-08/10 do ảnh hưởng của bão số 11, sau đó chịu ảnh hưởng hoàn lưu của vùng áp thấp suy yếu từ cơn bão nên khu vực Đông Bắc của Bắc Bộ, phía Nam Tuyên Quang (Tuyên Quang cũ), Thái Nguyên và Hà Nội có mưa to đến rất to với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 150-250mm, có nơi trên 300mm, riêng khu vực Thái Nguyên 250-350mm, có nơi trên 450mm; các nơi khác ở Bắc Bộ và Thanh Hóa-Nghệ An có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to với lượng mưa phổ biến 70-120mm, có nơi trên 150mm.

Khu vực từ Nam Nghệ An đến Quảng Ngãi và phía Đông các tỉnh Gia Lai-Đắk Lắk liên tục có mưa từ sau ngày 09/10 chủ yếu do chịu ảnh hưởng của nhiễu động trong đới gió Đông trên cao và vào cuối tháng còn kết hợp với ảnh hưởng của KKL. Khu vực xảy ra 03 đợt mưa lớn diện rộng: Từ ngày 9-10/10, từ ngày 16-20/10 và từ ngày 23-30/10; trong đó đáng lưu ý đợt mưa lớn từ ngày 23-31/10 đã có mưa rất to, riêng ngày 31/10 vùng mưa lớn tập trung tại các tỉnh từ Nam Nghệ An đến Quảng Trị; TLM cả đợt phổ biến từ 150-450mm, có nơi trên 550mm, đặc biệt tại Huế và Đà Nẵng có TLM trên 1000mm như tại Nam Đông (Huế) 1772mm, Trà My (Đà Nẵng) 1545mm, A Lưới (Huế) 1236mm.

Khu vực cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ trong tháng có nhiều ngày có mưa dông diện rộng, có ngày xảy ra mưa vừa đến mưa to. Trong các đợt mưa lớn đề cập ở trên, tại nhiều nơi đã ghi nhận được giá trị lượng mưa ngày và tổng lượng mưa tháng vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Bảng 3, bảng 4 - Phụ lục*).



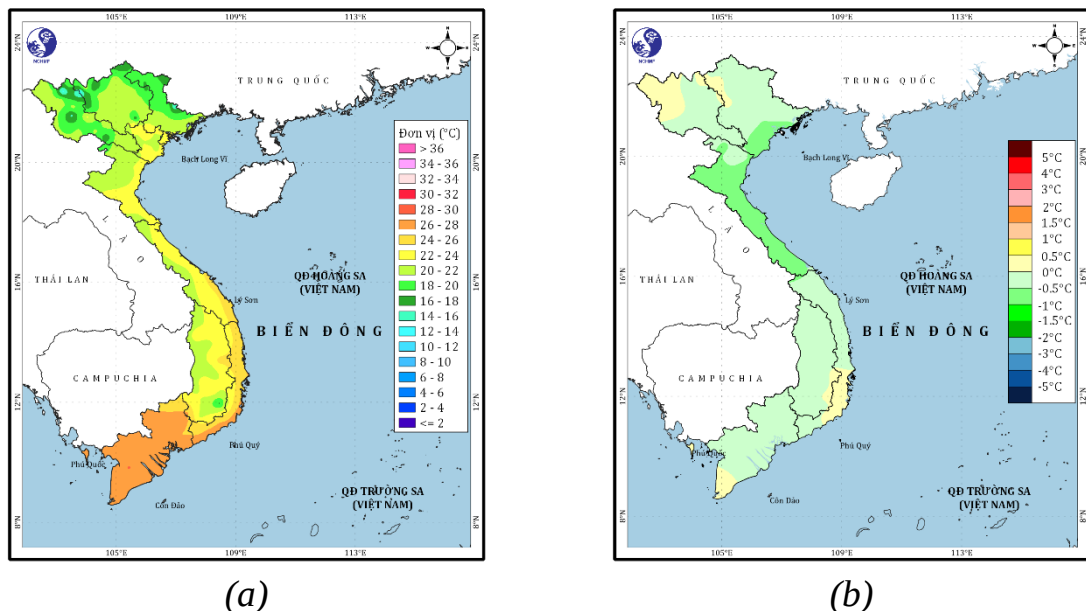
Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 10/2025.

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTB):** NĐTB trên cả nước phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5-1,0⁰C, riêng khu vực phía Tây Bắc Bộ có nơi trên 1,0⁰C (Hình 2a).

+ **Lượng mưa:** TLM trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 20-90%; đặc biệt tại khu vực Đông Bắc Bộ cao hơn gấp 3-5 lần so với TBNN cùng thời kỳ. Riêng các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng có TLM phổ biến thấp hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).

2. Dự báo xu thế khí hậu tháng 11/2025

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

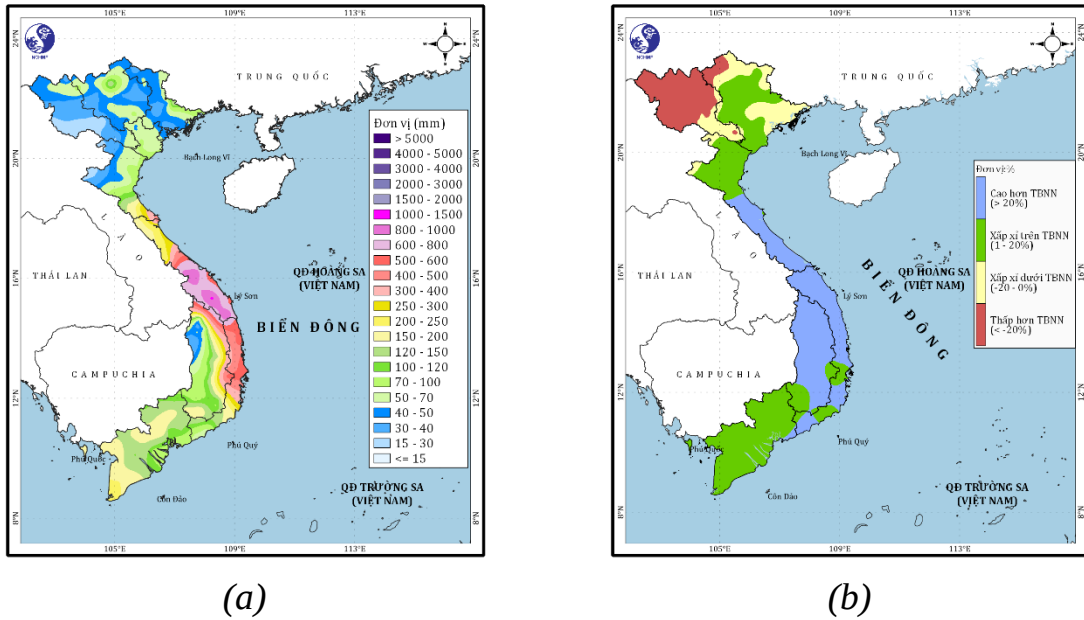


Hình 3: (a) Nhiệt độ TBNN (°C) tháng 11; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 11/2025

Trong thời kỳ dự báo, NĐTB tại hầu hết các khu vực trên cả nước phổ biến thấp hơn khoảng 0,5⁰C so với TBNN; riêng các tỉnh từ Nghệ An đến Huế phổ biến thấp hơn từ 0,5-1,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ dự báo, TLM tại khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nam Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN, riêng khu vực phía Tây Bắc Bộ thấp hơn 10-30% so với TBNN; các khu vực còn lại trên cả nước có TLM phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-25%, riêng khu vực phía Nam Quảng Trị đến Đắk Lắk có khả năng TLM cao hơn từ 25-40% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b).



Hình 4: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN tháng 11; (b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 11/2025

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ *Bão và áp thấp nhiệt đới*: Trong tháng 11/2025, trên khu vực Biển Đông có khả năng xuất hiện từ 02-03 cơn bão/ATNĐ và có khả năng ảnh hưởng đến đất liền Việt Nam từ 01-02 cơn (TBNN: Trên Biển Đông là 1,5 cơn, đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0,9 cơn).

+ *Không khí lạnh*: Trong thời kỳ tháng 11/2025, KKL tiếp tục có xu hướng gia tăng về tần suất và cường độ.

+ *Mưa diện rộng*: Tại các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Đắk Lắk và Khánh Hòa trong thời kỳ dự báo có khả năng xuất hiện các đợt mưa lớn diện rộng. Phía Tây các tỉnh Lâm Đồng và khu vực Nam Bộ có nhiều ngày có mưa rào và dông; trong đó, một số ngày có thể xảy ra mưa vừa, mưa to.

+ Trên phạm vi cả nước, tiếp tục có khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Bão, ATNĐ và KKL gây ra gió mạnh, sóng lớn trên biển và ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Đặc biệt, đề phòng mưa lớn có thể gây ra lũ lụt, ngập úng ở các vùng trũng và sạt lở đất ở vùng núi. Các hiện tượng mưa lớn và dông, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động giao thông, sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan như mưa lớn trong thời gian ngắn, lũ quét, sạt lở đất... Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp, đặc biệt là phương án vận hành hồ chứa phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, cùng với đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa tháng 11/2025

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Thời kỳ 21-30/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	19,5-20,5	5-15	18,5-19,5	<10	17,0-18,0	<10	18,5-19,5	15-30
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,5-23,5	15-30	21,0-22,0	5-15	19,5-20,5	10-20	21,5-22,5	30-60
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,0-21,0	20-50	18,5-19,5	5-15	17,0-18,0	<10	18,0-19,0	30-60
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,5-23,5	20-50	21,5-22,5	5-15	20,0-21,0	5-15	21,5-22,5	30-60
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,5-23,5	20-50	21,5-22,5	10-20	20,0-21,0	5-15	21,0-22,0	40-80
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,5-23,5	30-60	21,5-22,5	5-15	20,0-21,0	5-15	21,5-22,5	40-80
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	22,5-23,5	60-100	21,5-22,5	30-60	20,5-21,5	20-50	21,5-22,5	100-200
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	250-350	22,5-23,5	200-300	21,5-22,5	150-250	22,5-23,5	650-900
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	22,5-23,5	60-100	22,5-23,5	15-30	22,0-23,0	10-20	22,5-23,5	80-150
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	150-250	25,5-26,5	120-220	25,0-26,0	120-220	25,5-26,5	450-700
Nha Trang-Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	26,0-27,0	100-200	25,5-26,5	100-200	25,0-26,0	80-150	25,5-26,5	350-550
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	70-120	22,5-23,5	30-60	22,0-23,0	20-50	22,5-23,5	120-240

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng- Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Thời kỳ 21-30/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	60-100	27,5-28,5	15-30	27,0-28,0	20-50	27,5-28,5	90-180
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,0-28,0	60-100	26,5-27,5	20-50	26,0-27,0	30-60	26,5-27,5	100-200

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 1 – Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11/11/2025

Tin phát ngày: 01/11/2025./.

Soát tin: Nguyễn Thanh Hoa

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Chúc

Phụ lục

Bảng 1: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ).
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế.
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.

Bảng 2: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 10/2025

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, lốc, sét	Điện Biên	06/10/2025
Sét	Quảng Ngãi	20/10/2025
Đông lốc	Cà Mau	28/10/2025

Bảng 3: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong tháng 10/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hà Giang (Tuyên Quang)	144,0	1974	177,8	01/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	53,8	2017	77,6	07/10/2025
Tuyên Quang	163,1	2001	226,7	07/10/2025
Ngân Sơn (Thái Nguyên)	110,0	2000	217,3	07/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	106,4	1964	201,2	07/10/2025
Thái Nguyên	201,9	1978	491,3	07/10/2025
Định Hóa (Thái Nguyên)	231,3	1978	245,8	07/10/2025
Cao Bằng	79,3	1978	122,3	07/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	174,5	2000	207	07/10/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Bắc Sơn (Lạng Sơn)	99,6	1987	179,2	07/10/2025
Hữu Lũng (Lạng Sơn)	109,5	1990	148,9	07/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	205,5	1987	246,8	07/10/2025
Bắc Giang (Bắc Ninh)	120,0	2016	365,4	07/10/2025
Nam Đông (TP Huế)	710,1	2007	968,1	27/10/2025
Phan Thiết (Lâm Đồng)	107,5	2005	244	27/10/2025
La Gi(Hàm Tân) (Lâm Đồng)	150,9	2023	164,8	29/10/2025
Phan Rí (Lâm Đồng)	60,7	2017	97,9	30/10/2025
Cát Tiên (Lâm Đồng)	199,4	2012	210	12/10/2025
Thủ Dầu Một (TP Hồ Chí Minh)	103,8	2024	136,2	23/10/2025
Phú Quốc (An Giang)	181,2	2004	200,7	30/10/2025

Bảng 4. Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 10/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Tổng lượng mưa cao nhất tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Tổng lượng mưa tháng 10/2025 vượt GTLS
Sông Mã (Sơn La)	135,1	1981	150,1
Hà Giang (Tuyên Quang)	410,0	1965	434,3
Đồng Văn (Tuyên Quang)	119,8	2017	227,7
Ngân Sơn (Thái Nguyên)	301,5	2000	361,1
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	215,4	1978	290,2
Thái Nguyên	363,4	1964	573,6
Bắc Sơn (Lạng Sơn)	249,7	1983	300,2
Hữu Lũng (Lạng Sơn)	244,0	1987	299,7
Đình Lập (Lạng Sơn)	261,3	2011	441,5
Tiên Yên (Quảng Ninh)	469,5	2001	577,9
Bắc Giang (Bắc Ninh)	292,4	1981	566,9
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	1085,7	2020	1150,2
Phan Thiết (Lâm Đồng)	409,0	2010	413,4
La Gi(Hàm Tân) (Lâm Đồng)	495,9	1983	620,6

Bảng 5: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 10/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Cò Nòi (Sơn La)	33,4	2019	34,0	05/10/2025
Mù Cang Chải (Lào Cai)	31,0	2005	31,3	05/10/2025
Hà Giang (Tuyên Quang)	35,4	2021	35,5	05/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	29,1	2021	29,1	05/10/2025
Chợ Rã (Thái Nguyên)	36,0	2021	36,0	05/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	34,9	2023	35,2	05/10/2025
Thái Nguyên	35,0	2021	35,3	12/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	33,1	2002	33,4	15/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	35,5	2023	36,2	05/10/2025
Phù Lĩn (TP Hải Phòng)	34,4	2023	34,5	05/10/2025
Hà Đông (TP Hà Nội)	35,5	2023	35,7	05/10/2025
Nam Định (Ninh Bình)	35,5	2023	35,5	05/10/2025
Hội Xuân (Thanh Hóa)	36,7	2003	37,6	05/10/2025
Thanh Hóa	34,5	1969	34,7	06/10/2025
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	34,6	1976	35,1	05/10/2025
Đô Lương (Nghệ An)	36,6	1968	36,9	06/10/2025
Hòn Ngự (Nghệ An)	32,3	2023	32,9	06/10/2025
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	35,4	2015	37	06/10/2025
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	32,7	2023	32,9	06/10/2025
Quảng Ngãi	35,6	2024	35,8	20/10/2025
Hoài Nhơn (Gia Lai)	34,9	1981	35,7	19/10/2025
Cam Ranh (Khánh Hòa)	35,5	2021	36	15/10/2025
Tây Ninh	35,5	2018	35,5	04/10/2025
Biên Hòa (Đồng Nai)	35,7	2024	35,9	19/10/2025
Thủ Dầu Một (TP Hồ Chí Minh)	35,5	2015,2018	35,7	15/10/2025
Côn Đảo (TP Hồ Chí Minh)	33,0	2023,2024	33,2	04/10/2025